

Số: ~~445~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ~~14~~ tháng ~~10~~ năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuyên đề số 11 “Công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Chương trình số 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ban Chỉ đạo Chương trình số 10-CTr/TU về tổ chức thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU của Thành ủy giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy;

Theo đề nghị của Thanh tra Thành phố tại Công văn số ~~4715~~ TTTP-PCTN ngày ~~04~~ tháng ~~10~~ năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuyên đề số 11 “Công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đơn vị thuộc UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà



nước trực thuộc Thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCD Chương trình 10-CTr/TU của Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Ban Nội chính Thành ủy;
- VPUBTP: các PCVP, NC, KT;
- Công giao tiếp điện tử TP;
- Lưu: VT, NC.

48591 - 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

CHUYÊN ĐỀ SỐ 11

Công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4448/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA CHUYÊN ĐỀ
I. SỰ CẦN THIẾT CỦA CHUYÊN ĐỀ**

Kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN) là một trong các giải pháp quan trọng để phòng ngừa tham nhũng. Đảng đã có chủ trương và Nhà nước đã thể chế hóa thành những quy định cụ thể để triển khai thực hiện. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012) đã tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kê khai TSTN, góp phần phòng ngừa tham nhũng. Năm 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019; Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 quy định về kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trong thời gian qua, công tác kê khai, kiểm soát TSTN đã bước đầu đạt được những kết quả tích cực, như: nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai TSTN đã có những chuyển biến tích cực; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã quan tâm và sát sao hơn trong việc chỉ đạo triển khai công tác kê khai và kiểm soát việc kê khai TSTN. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc kê khai, kiểm soát TSTN vẫn còn mang tính hình thức; việc công khai bản kê khai TSTN tại một số đơn vị chưa được thực hiện nghiêm túc; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về kê khai còn hạn chế; chưa thực sự phát huy được hiệu quả cao trong phòng ngừa, phát hiện để xử lý vi phạm, tham nhũng...

Do đó, việc thực hiện chuyên đề “*Công tác kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ*” là cần thiết.

II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi nghiên cứu

Chuyên đề nghiên cứu về công tác kê khai, kiểm soát TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện công tác kê khai, kiểm soát TSTN theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Người có nghĩa vụ kê khai TSTN là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Hà Nội thuộc diện kê khai TSTN theo Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

PHẦN 2. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KÊ KHAI, KIỂM SOÁT TSTN

1. Những quy định chung về kê khai, kiểm soát TSTN

- Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai (Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015).

- Thu nhập là “*nhận được tiền bạc, của cải, vật chất từ một hoạt động nào đó*” (Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học - Trung tâm Từ điển học, NXB Đà Nẵng năm 2006). Thu nhập có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau để phục vụ những mục đích khác nhau: thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế (Luật Thuế thu nhập cá nhân); thu nhập thường xuyên từ tiền công, tiền lương và thu nhập không thường xuyên (Bộ luật Lao động); thu nhập hợp pháp và thu nhập không hợp pháp (Điều 32 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp*”)...

- Kê khai TSTN là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại TSTN, biến động TSTN phải kê khai, nguồn gốc của TSTN tăng thêm theo Mẫu bản kê khai TSTN ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

Kê khai TSTN là để cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết được TSTN của người có nghĩa vụ phải kê khai nhằm minh bạch TSTN của người đó; phục vụ cho công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

- Kiểm soát TSTN là hoạt động do Cơ quan kiểm soát TSTN thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ TSTN, biến động về TSTN, nguồn gốc của TSTN tăng thêm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng (Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Các chủ trương, chỉ đạo của Đảng, quy định của Nhà nước về kê khai, kiểm soát TSTN

2.1. Các chủ trương, chỉ đạo của Đảng về kê khai, kiểm soát TSTN

Ngày 21/8/2006, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác*

phòng, chống tham nhũng, lãng phí” nêu rõ: “tiến tới tất cả đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức đều phải kê khai tài sản”, “xây dựng và thực hiện cơ chế đảng viên là cán bộ, công chức thuộc diện kê khai tài sản theo quy định của Luật PCTN phải công khai trong chi bộ bản kê khai, là cấp ủy viên thì còn phải công khai trong cấp ủy”, đảng viên thuộc diện kê khai “phải giải trình nguồn gốc tài sản của mình theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền; trường hợp không giải trình được một cách minh bạch, hợp lý thì bị xem xét kỷ luật về Đảng, chính quyền, đoàn thể”.

Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành trung ương khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, yêu cầu: *“Kê khai tài sản phải trung thực và được công khai ở nơi công tác và nơi cư trú”.*

Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X khẳng định: *“Từng bước mở rộng diện kê khai... TSTN của cán bộ, công chức, viên chức”; “cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức chủ động kiểm tra, xác minh kết quả kê khai tài sản, thu nhập đối với những người thuộc quyền quản lý”.*

Ngày 03/01/2014, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 33-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, trong đó đã nhận định *“Trong thời gian qua, việc kê khai tài sản vẫn còn mang tính hình thức; việc công khai bản kê khai tài sản chưa được thực hiện nghiêm túc; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền chưa chủ động tiến hành xác minh tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về kê khai tài sản còn hạn chế”.* Chỉ thị 33-CT/TW của Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo để thống nhất nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản theo quy định của Đảng, Nhà nước; lãnh đạo, thực hiện nghiêm túc việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản theo quy định; lãnh đạo chặt chẽ việc kiểm tra, xác minh tài sản, theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm các quy định về minh bạch TSTN; tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản...

Ngày 23/5/2017, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 85-QĐ/TW về *“kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”*, qua đó thể hiện tinh thần nêu gương và yêu cầu nêu

gương đối với cán bộ cấp cao trong công tác kê khai và kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thể hiện chủ trương, giải pháp về phòng, chống tham nhũng: Triển khai đồng bộ có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, đảm bảo đúng pháp luật; Thực hiện quyết liệt nghiêm minh có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng; Khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa, cơ chế răn đe để kiểm soát tham nhũng; Tiếp tục thực hiện chặt chẽ có hiệu quả về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp...

2.2. Các quy định của Nhà nước về kê khai, kiểm soát TSTN

Kê khai TSTN đã được đề cập trong Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998: *“Người có chức vụ, quyền hạn phải kê khai nhà, đất và các loại tài sản khác có giá trị lớn của mình. Người kê khai phải kê khai chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng phải kê khai, các loại tài sản phải kê khai, thời điểm, trình tự và thủ tục kê khai”* (Điều 14).

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2012) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, giúp công tác phòng, chống tham nhũng ngày càng đạt hiệu quả hơn. Các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng đã khắc phục được cơ bản những hạn chế, thiếu sót trước đó, trong đó minh bạch TSTN là một nội dung quan trọng, thể hiện chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước về việc kiểm soát TSTN của cán bộ, công chức, viên chức.

Ngày 09/3/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2007/NĐ-CP về minh bạch TSTN; Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ.

Ngày 03/7/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg về việc ban hành danh mục người có nghĩa vụ phải kê khai TSTN theo quy định tại khoản 11 Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch TSTN. Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 01/2010/TT-TTCP ngày 22/01/2010 sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch TSTN.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2007, ngày 08/8/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch TSTN,

theo đó quy định nguyên tắc kê khai TSTN; công khai bản kê khai TSTN; căn cứ yêu cầu xác minh TSTN; xử lý kỷ luật khi vi phạm kê khai TSTN và quy định thêm vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác kê khai TSTN.

Trên cơ sở Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012, ngày 17/7/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2013/NĐ-CP về minh bạch TSTN thay thế Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 và Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011, trong đó có các điểm mới như: không phân biệt kê khai lần đầu hay kê khai bổ sung; chỉ quy định một “mẫu Kê khai TSTN” dùng cho việc kê khai hàng năm; quy định về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức đối với TSTN tăng thêm; quy định rõ phạm vi công khai bản kê khai TSTN đối với từng loại đối tượng...; Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch TSTN, thay thế Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007.

Năm 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được ban hành, trong đó quy định việc kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Một số điểm mới về kê khai, kiểm soát TSTN của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018: Mở rộng đối tượng phải kê khai TSTN: Những người có nghĩa vụ kê khai TSTN được Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định tại Điều 34 gồm Cán bộ, công chức; Sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Thêm một số loại TSTN phải kê khai: công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng; kê khai cả tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai; kê khai bổ sung khi có biến động về TSTN trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên (trừ trường hợp kê khai hàng năm). Thời điểm, phương thức kê khai TSTN: kê khai lần đầu; kê khai bổ sung; kê khai hàng năm; kê khai phục vụ công tác cán bộ. Việc công khai bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai được quy định rõ hơn: công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc; thời điểm, hình thức công khai đối với bản kê khai của từng nhóm đối tượng: người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân; người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước. Đặc biệt, đã bổ sung quy định về kiểm soát TSTN: các cơ quan kiểm soát TSTN; nhiệm vụ,

quyền hạn; việc tiếp nhận bản kê khai để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan kiểm soát TSTN; theo dõi biến động TSTN; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát TSTN; một trong các căn cứ xác minh TSTN là thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh TSTN hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên; trình tự, thủ tục xác minh TSTN; cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN; xử lý vi phạm các quy định về kiểm soát TSTN...

Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh TSTN (Chương II); Mẫu bản kê khai TSTN và việc thực hiện kê khai (Điều 9); người có nghĩa vụ kê khai hằng năm (Điều 10); công khai bản kê khai TSTN (Chương IV), gồm: thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; công khai bản kê khai TSTN của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước; việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch xác minh hằng năm (Chương V) và việc xây dựng, bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN (Chương VI); xử lý vi phạm quy định về kiểm soát TSTN (Chương VII), trong đó có xử lý vi phạm đối với người kê khai như sau: xử lý kỷ luật đối với người vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai TSTN, giải trình nguồn gốc của TSTN tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai TSTN hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát TSTN.

Tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Một số biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát TSTN phù hợp với phân cấp quản lý cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam được quy định tại Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng”*.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN - THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KÊ KHAI, KIỂM SOÁT TSTN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy

Thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị, ngày 29/4/2014, Thành ủy đã ban hành Kế hoạch số 115-KH/TU để triển khai thực hiện. Theo đó, Thành ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm chế độ báo cáo và kê khai, minh bạch TSTN; nâng cao ý thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tự giác, trung thực trong kê khai tài sản theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xác định đây là tiêu chí để đánh giá ý thức chính trị của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Năm 2016, Thành ủy ban hành Chương trình số 07-CTr/TU ngày 26/4/2016 về “*Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020*”; Quy định số 2386-QĐ/TU ngày 26/7/2017 về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kê khai, công khai và kiểm soát kê khai TSTN theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của các tập thể, cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kê khai, công khai và kiểm soát kê khai tài sản. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo các ngành chức năng làm tốt công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc kê khai và kiểm soát TSTN; chỉ đạo chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc việc công khai bản kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Ủy ban kiểm tra Thành ủy và cơ quan Thanh tra nhà nước các cấp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật phối hợp với các ngành liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai tài sản.

Ngày 17/3/2021, Thành ủy ban hành Chương trình số 10-CTr/TU về “*Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025*”, trong đó nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm có nội dung về kiểm soát có hiệu quả TSTN của người có chức vụ, quyền hạn, cụ thể: “*Thực hiện nghiêm, có hiệu quả các quy định về công tác kê khai và kiểm soát TSTN theo tinh thần Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị; Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Quy định 2386-QĐ/TU của Thành ủy về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý. Có chế tài xử lý TSTN bất minh của cán bộ, công chức, viên chức...*”. Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU của Thành ủy.

1.2. Công tác chỉ đạo của UBND Thành phố

Công tác PCTN được UBND Thành phố xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố, trong đó công tác kê khai TSTN được Thành phố hết sức quan tâm. UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 08/7/2014 thực hiện Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 29/4/2014 của Thành ủy, trong đó đã chỉ đạo Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị trực thuộc Thành phố xây dựng Kế hoạch của đơn vị mình và chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, đầy đủ các quy định về minh bạch TSTN; đảm bảo đúng quy định và tiến độ thời gian; xây dựng hồ sơ

về minh bạch TSTN; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác này.

Thành phố thường xuyên kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về minh bạch TSTN của Thành phố để cập nhật các quy định mới của pháp luật; ban hành các quyết định về việc kê khai TSTN của người có nghĩa vụ phải kê khai TSTN thuộc thành phố Hà Nội để phù hợp với các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Thanh tra Chính phủ¹; hiện UBND Thành phố đang xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 17/12/2013.

UBND Thành phố đã tổ chức nhiều hội nghị tuyên truyền, tập huấn các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng nói chung và kê khai TSTN nói riêng, đồng thời giao Thanh tra Thành phố cử báo cáo viên đến các đơn vị tập huấn đồng thời in ấn tài liệu, in sách để tuyên truyền về công tác minh bạch TSTN đến các đơn vị; các quận, huyện, sở ngành, và các đơn vị trực thuộc Thành phố cũng chủ động trực tiếp tổ chức các hội thảo, hội nghị và mời báo cáo viên của Trung ương và Thành phố để tuyên truyền pháp luật về minh bạch TSTN, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị mình các Nghị định, Thông tư, Quyết định quy định về công tác minh bạch TSTN để người có nghĩa vụ kê khai TSTN nghiên cứu, thực hiện.

Thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy về “*Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020*”, UBND Thành phố đã giao Thanh tra Thành phố triển khai kiểm tra công tác minh bạch TSTN của một số đơn vị theo Kế hoạch tại Chuyên đề “*Nâng cao chất lượng công tác kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản theo tinh thần Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị*”. Thanh tra Thành phố đã tiến hành kiểm tra tại 20 đơn vị; qua kiểm tra, đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong công tác minh bạch TSTN và đề nghị các đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm và tập trung hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả công tác minh bạch TSTN.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Thanh tra Chính phủ, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 23/12/2020 triển khai thực hiện công tác kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị đã ban hành Kế hoạch thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai TSTN; hướng dẫn thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai TSTN; lập danh sách những người có nghĩa vụ phải kê khai TSTN; hướng dẫn việc kê khai TSTN cho người có nghĩa vụ kê khai; tiếp nhận 02 bản kê khai TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN; bàn giao 01 bản kê khai TSTN cho cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định. Sở Nội vụ tổng hợp danh sách, tiếp nhận 01 bản kê khai TSTN của người giữ chức vụ

¹ Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 20/8/2008; Quyết định số 52/2010/QĐ-UBND ngày 25/10/2010; Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 25/10/2011; Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 17/12/2013.

Giám đốc sở và tương đương trở lên để bàn giao cho cơ quan kiểm soát TSTN là Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Thành phố tiếp nhận 01 bản kê khai TSTN của các đối tượng còn lại để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định.

2. Kết quả thực hiện kê khai, kiểm soát TSTN từ năm 2014 (thời điểm ban hành Chỉ thị số 33-CT/TW) đến 6 tháng đầu năm 2021

2.1. Từ năm 2014 đến trước thời điểm ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

- Kết quả công tác kê khai TSTN:

Các ban đảng của Thành ủy, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Thành phố đã thực hiện nghiêm túc công tác minh bạch TSTN hàng năm. Theo đó, Ban Tổ chức đảng cấp tỉnh và cấp huyện quản lý bản kê khai TSTN (bản gốc), tổng hợp kết quả kê khai đối với người có nghĩa vụ thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp cán bộ của Đảng (Ban Tổ chức Thành ủy lưu giữ bản gốc bản kê khai hàng năm và tổng hợp kết quả kê khai của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; Ban Tổ chức quận/huyện ủy lưu giữ bản gốc bản kê khai hàng năm và tổng hợp kết quả kê khai của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quận/huyện ủy quản lý; Ban Tổ chức đảng tại các cơ quan chính trị, chính trị - xã hội lưu giữ bản gốc bản kê khai hàng năm và tổng hợp kết quả kê khai của các đồng chí do tổ chức đảng đơn vị mình quản lý).

Ủy ban kiểm tra đảng các cấp tổng hợp kết quả xác minh, kết luận, công khai, xử lý vi phạm về minh bạch TSTN đối với người có nghĩa vụ phải kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp cán bộ của Đảng.

Các cấp ủy Đảng thuộc Thành ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai công tác kê khai, minh bạch TSTN ở cấp mình, ngành mình đảm bảo thực hiện đúng các trình tự, thủ tục kê khai, công khai, quản lý bản kê khai, tự kiểm tra, báo cáo kết quả minh bạch TSTN theo quy định.

Thực hiện Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 29/4/2014 của Thành ủy, Đảng ủy các đơn vị đã ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị.

Kết quả thực hiện từ năm 2014-2017, số lượt người đã kê khai: 172.132 người, đạt tỷ lệ 99,96%; số bản kê khai được công khai: hình thức niêm yết: 77.381; công khai tại cuộc họp: 97.088 (một số bản kê khai được công khai bằng cả hai hình thức); số người được yêu cầu giải trình: 11 người. Số người được kiểm tra, xác minh: 11 người, trong đó do xuất phát từ đơn tố cáo kê khai không trung thực: 10; do có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý: 01. Số người bị kỷ luật do chậm kê khai: 01; số người bị kỷ luật do kê khai không trung thực: 02; hình thức xử lý kỷ luật: Khiển trách: 02; Cảnh cáo: 01.

Nhìn chung, các đơn vị đã thực hiện công tác minh bạch TSTN khá bài bản và nề nếp, có chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ công chức, viên chức về công tác minh bạch TSTN, trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan đơn vị về công tác này cũng được nâng cao; về cơ bản đã thực hiện các khâu: lập và phê duyệt danh sách đối tượng phải kê khai, ban hành văn bản triển khai đến các phòng, ban và đơn vị trực thuộc để thực hiện công tác kê khai TSTN hàng năm, tiến hành kê khai và nộp bản kê khai TSTN theo quy định; tiến hành công khai bản kê khai theo một trong hai hình thức niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp, tùy tình hình thực tế tại đơn vị. Sau đó tiến hành công tác tổng hợp báo cáo về công tác minh bạch TSTN theo quy định (qua Thanh tra Thành phố để tổng hợp chung).

Nhiều đơn vị đã chủ động tổ chức các buổi tập huấn mời báo cáo viên của Thành phố và Trung ương đề tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng nói chung và kê khai TSTN nói riêng; thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định mới trên Trang thông tin điện tử của đơn vị mình.

Sở Nội vụ có nhiệm vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và xử lý vi phạm về minh bạch TSTN đối với người kê khai đang công tác tại cơ quan của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước thuộc Thành phố, định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra Thành phố. Thanh tra Thành phố là đơn vị được UBND Thành phố giao chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch TSTN trong phạm vi Thành phố; tham mưu giúp UBND Thành phố xây dựng báo cáo kê khai TSTN hàng năm báo cáo Thanh tra Chính phủ.

- Công tác kiểm soát việc kê khai TSTN trong nội bộ các đơn vị:

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có vai trò chỉ đạo, kiểm soát và chịu trách nhiệm về công tác kê khai TSTN của đơn vị mình quản lý. Công tác kiểm soát việc kê khai TSTN trong nội bộ các đơn vị được thể hiện thông qua việc: lập và rà soát danh sách đối tượng thuộc diện phải kê khai, kiểm tra hình thức và số lượng bản kê khai khi giao nhận (xem các tiêu chí trong bản kê khai điền đầy đủ chưa, việc ký vào từng tờ của người kê khai, ngày tháng kê khai...); công khai bản kê khai (niêm yết hoặc công bố tại cuộc họp); tiếp nhận mọi thông tin, ý kiến về bản kê khai của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên tại đơn vị mình; xử lý các trường hợp không kê khai, kê khai chậm, công khai chậm giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không trung thực (nếu có); chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố khi đơn vị mình tổ chức kê khai chậm, công khai chậm, chậm tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định của pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác kê khai TSTN:

Cơ quan nội vụ (bộ phận tổ chức) được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị giao trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra công tác kê khai TSTN của các cơ quan tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của mình.

Cơ quan Thanh tra Thành phố, Thanh tra cấp huyện được UBND Thành phố, UBND cấp huyện giao trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra công tác kê khai TSTN trong phạm vi mình quản lý.

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Thanh tra Thành phố đã triển khai nhiều cuộc kiểm tra với mục đích hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra công tác kê khai tài sản của các đơn vị, qua đó phát hiện được các tồn tại, hạn chế trong công tác minh bạch TSTN của các đơn vị, kiến nghị các đơn vị khắc phục và hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình triển khai. Trong kỳ, các cơ quan thanh tra đã thanh tra, kiểm tra và ban hành 315 kết luận có nội dung về công tác kê khai TSTN. Thanh tra Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 1165/KH-UBND ngày 19/3/2019 kiểm tra việc chấp hành các quy định về minh bạch TSTN tại 20 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra, đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế, kiến nghị chấn chỉnh công tác kê khai TSTN, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm và xử lý các tập thể, cá nhân có vi phạm.

2.2. Triển khai công tác kiểm soát TSTN thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ tại văn bản số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021

Thành ủy, UBND Thành phố đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt, nghiêm túc triển khai thực hiện. Thanh tra Thành phố có văn bản hướng dẫn các đơn vị và hướng dẫn cụ thể các đơn vị khi gặp khó khăn, vướng mắc trong triển khai; đồng thời, chủ động liên hệ xin ý kiến của Thanh tra Chính phủ và được cán bộ Thanh tra Chính phủ giải đáp một số nội dung còn vướng mắc trong quá trình triển khai.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã quan tâm chỉ đạo; các cơ quan, đơn vị đã quán triệt, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai TSTN theo quy định và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

Kết quả kê khai TSTN lần đầu: có 30.910 người có nghĩa vụ đã kê khai; 100% số bản kê khai đã kê khai được công khai: hình thức niêm yết: 16.100; công bố tại cuộc họp: 16.044, trong đó một số đơn vị công khai bằng cả hai hình thức niêm yết công khai và công khai tại cuộc họp. Các đơn vị thuộc UBND Thành phố đã bàn giao 01 bản của các đồng chí từ Giám đốc sở trở lên cho Sở Nội vụ để bàn giao cho cơ quan kiểm soát TSTN là Thanh tra Chính phủ và bàn giao 01 bản kê khai TSTN của các đối tượng còn lại cho Thanh tra

Thành phố để thực hiện kiểm soát TSTN theo phân cấp quy định tại Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Đối với các trường hợp chưa xác định được cơ quan nào kiểm soát TSTN, các cơ quan, đơn vị tạm thời chưa bàn giao, chờ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong kiểm soát TSTN được quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ và theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ tại văn bản số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021.

Với số lượng bản kê khai TSTN rất lớn, Thanh tra Thành phố đã kịp thời xây dựng, ban hành Quy chế kê khai, công khai, kiểm soát TSTN thuộc Thanh tra Thành phố; phân công nhiệm vụ tiếp nhận bản kê khai TSTN, do đó đã tiếp nhận bản kê khai của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định đảm bảo tiến độ, thuận tiện cho các cơ quan, đơn vị khi bàn giao bản kê khai TSTN.

Căn cứ quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN, Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, cơ quan kiểm soát TSTN sẽ tiến hành các nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan kiểm soát và thực hiện xác minh TSTN theo quy định.

Kết quả trên cho thấy, Thành ủy, UBND Thành phố đã quan tâm, tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác kê khai, kiểm soát TSTN; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện việc kê khai và công khai kê khai tài sản (bằng nhiều hình thức như: tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng; xây dựng chương trình, chuyên mục phòng, chống tham nhũng trên các cổng thông tin điện tử; tại các buổi sinh hoạt, quán triệt, họp cơ quan, đơn vị...), đồng thời chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra về kê khai TSTN. Nhìn chung, các sở, ban, ngành, các quận, huyện, thị xã, các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị trực thuộc Thành phố đã cơ bản thực hiện các quy định của pháp luật về kê khai TSTN. Việc triển khai kê khai, công khai bản kê khai TSTN đã dần đi vào nề nếp; xác định đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức, qua đó góp phần phòng ngừa tham nhũng.

3. Tồn tại, hạn chế

- Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị còn chưa thực sự quan tâm đến công tác kê khai TSTN nên việc triển khai thực hiện còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao mặc dù đã được tập huấn và hướng dẫn nhưng vẫn còn một số đơn vị chưa nắm được các văn bản quy định, còn lúng túng trong việc tổ chức thực hiện, kê khai không đúng trình tự, thủ tục. Đồng thời, nghiên cứu không kỹ các văn bản quy định về danh mục đối tượng thuộc diện kê khai nên dẫn đến bỏ sót đối tượng thuộc diện kê khai của đơn vị; một vài đơn vị thực hiện việc kê khai còn chậm, không bảo đảm đúng thời gian kế hoạch đã đề ra...nên phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả triển khai thực hiện chung của toàn Thành phố.

- Một bộ phận cán bộ ý thức tự giác kê khai chưa cao, còn ngại kê khai, phải nhắc nhở đôn đốc nhiều lần.

- Công tác phối hợp trong việc triển khai kê khai, tổng hợp số liệu của một số đơn vị còn chưa chặt chẽ, chưa quan tâm đầy đủ đến việc đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện (ở cấp cơ sở).

- Một số đơn vị vẫn còn tồn tại trong việc kê khai: kê khai còn bỏ trống một số tiêu chí trong bản kê khai, không có chữ ký nháy từng tờ của người kê khai và người tiếp nhận bản kê khai, không ghi ngày tháng kê khai...; tổng hợp báo cáo chưa đầy đủ theo đề cương, biểu mẫu, gửi báo cáo chưa kịp thời gây khó khăn trong công tác tổng hợp số liệu chung của toàn Thành phố.

- Việc kê khai được kỳ vọng là biện pháp phòng ngừa tham nhũng hiệu quả nhưng hiện mới chỉ dựa vào ý thức tự giác của người phải kê khai. Trên thực tế, công tác phòng, chống tham nhũng vẫn chưa đáp ứng mong mỏi của Đảng, nhà nước và nhân dân; việc kiểm soát TSTN vẫn còn hạn chế; số trường hợp xác minh TSTN trong thời gian qua chủ yếu thông qua tố cáo.

4. Nguyên nhân

4.1. Nguyên nhân khách quan

Hệ thống, chính sách pháp luật nói chung và chính sách pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng chưa đồng bộ, vẫn còn nhiều quy định bất cập không khả thi; chưa mang lại hiệu quả khi thực hiện. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ được ban hành, đã quy định công tác kiểm soát TSTN, tuy nhiên một số quy định còn có vướng mắc trong quá trình thực hiện: chưa rõ việc tổ chức kê khai TSTN đối với các trường hợp người có nghĩa vụ kê khai TSTN thuộc đối tượng quản lý của nhiều cơ quan; cách xác định cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai TSTN quy định tại Khoản 1, Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 để địa phương có cơ sở hướng dẫn, tổ chức thực hiện thống nhất, tránh sự chông chéo, không thống nhất trong việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị; xác định người có nghĩa vụ phải kê khai đối với các trường hợp tương đương Phó Trưởng phòng quy định tại Khoản 3, Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; tổ chức thực hiện công khai còn chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị vì chưa xác định rõ toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan hay toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của phòng, ban cấp huyện; chưa rõ quy định Bản kê khai được niêm yết tại trụ sở cơ quan đối với trường hợp cơ quan có nhiều trụ sở; chưa quy định cụ thể về quy trình xác minh TSTN; hệ thống mẫu văn bản, mẫu biểu phục vụ việc xác minh; cách thức lựa chọn cơ quan, đơn vị để xác minh, lựa chọn ngẫu nhiên 10% số bản kê khai để xác minh; vướng mắc trong công tác lưu trữ bản kê khai của cơ quan kiểm soát TSTN vì thực tiễn số bản kê khai của thành phố Hà Nội là rất lớn, nhân lực lại hạn chế...

Đến nay vẫn chưa có Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ và chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN để thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ, chỉ đạo chưa quyết liệt, đồng bộ công tác kê khai và kiểm soát việc kê khai TSTN.

- Nhận thức của một bộ phận ít cán bộ, công chức, viên chức về công tác kê khai, kiểm soát TSTN còn hạn chế, làm hình thức.

III. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác kê khai, kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn Thành phố theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Nâng cao chất lượng công tác kê khai, kiểm soát TSTN để công tác này là một trong những công cụ hiệu quả trong phòng ngừa tham nhũng.

- Nâng cao nhận thức, ý thức, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức trong công tác kê khai, kiểm soát TSTN để phòng ngừa tham nhũng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng; nghiêm túc thực hiện việc kê khai TSTN theo quy định.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về nâng cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, trước hết là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, thực hiện kê khai, kiểm soát TSTN

Người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức phải coi kê khai, kiểm soát TSTN là một trong các nhiệm vụ quan trọng để phòng ngừa tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện kê khai, kiểm soát TSTN theo đúng quy định; nêu cao trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu trong công tác kê khai, kiểm soát TSTN.

Các cơ quan, đơn vị cần triển khai công tác kê khai TSTN hàng năm đúng quy định; triển khai đúng, đủ đối tượng, đảm bảo thời gian triển khai và biểu mẫu, thực hiện công khai, tiếp nhận, bàn giao bản kê khai và có báo cáo kết quả kê khai TSTN đúng quy định.

Cơ quan kiểm soát TSTN thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; hoạt động kiểm soát TSTN phải bảo đảm minh bạch, khách quan, công bằng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, trình tự, thủ tục

theo quy định của pháp luật; không xâm phạm quyền tài sản của người có nghĩa vụ kê khai. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát TSTN và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực phải căn cứ vào bản kê khai, việc giải trình và kết luận xác minh được thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2.2. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác kê khai, kiểm soát TSTN

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kê khai, kiểm soát TSTN bằng nhiều hình thức đa dạng: tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến; in sách, tài liệu...; các hình thức trao đổi, quán triệt trong các cuộc họp giao ban, họp chi bộ, họp phòng cũng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kê khai và công khai bản kê khai tài sản cần đổi mới, chú trọng nâng cao chất lượng, giúp đối tượng thuộc diện kê khai hiểu đúng, hiểu đủ, rõ ràng, thống nhất nhận thức và thực hiện việc kê khai đúng quy định, hướng dẫn.

2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng kê khai TSTN

Đề cao tinh thần trách nhiệm của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và người có nghĩa vụ kê khai TSTN trong việc thực hiện kê khai, công khai TSTN, đặc biệt là trách nhiệm người đứng đầu trong việc chỉ đạo điều hành chặt chẽ, nghiêm túc việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản và tăng cường công tác tự kiểm tra tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm quy định; xác định việc kê khai TSTN là giải pháp quan trọng trong phòng ngừa tham nhũng, xem là tiêu chí để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

Đối với cán bộ phụ trách công tác tổ chức thực hiện, cần chủ động tham mưu cho người đứng đầu từ khâu quán triệt triển khai thực hiện, lập danh sách đối tượng kê khai, hướng dẫn kê khai, mở sổ theo dõi, kiểm tra ký nhận, quản lý bản kê khai, lập biên bản ghi nhận các hình thức công khai được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

Đối với người có nghĩa vụ kê khai, phải thực hiện kê khai TSTN trung thực, chính xác, đúng thời gian, đúng mẫu, ký tên đầy đủ trên các bản đã kê khai, chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực bản khai của mình.

2.4. Nhóm giải pháp về thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TSTN

Các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo, bố trí nhân lực, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm trong công tác triển khai kê khai, công khai, quản lý, lưu

giữ, khai thác bản kê khai... Thực hiện quản lý, khai thác thông tin về kiểm soát TSTN trên cơ sở hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN đảm bảo tính khoa học, thuận tiện, thống nhất và an toàn bảo mật (Thanh tra Chính phủ hiện đang xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN).

Các cơ quan kiểm soát TSTN thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định nhằm đưa công tác này ngày càng đi vào nề nếp, có chất lượng, hiệu quả.

Thực hiện tốt việc phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN (sau khi có Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018) để làm cơ sở kiểm soát TSTN đối với một số trường hợp người có nghĩa vụ kê khai TSTN thuộc đối tượng quản lý của nhiều cơ quan.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác kiểm soát TSTN; kiên quyết xử lý nghiêm những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chậm kê khai, công khai hoặc không xử lý kịp thời những vi phạm liên quan đến công tác kê khai, kiểm soát TSTN.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện Chuyên đề

1.1. Căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU của Thành ủy, Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, Kế hoạch về công tác kiểm soát tài sản hàng năm của UBND Thành phố và Chuyên đề này, các cơ quan, các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị trực thuộc UBND Thành phố triển khai thực hiện Chuyên đề.

Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị trực thuộc UBND Thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có phần vốn nhà nước thuộc Thành phố:

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện việc kê khai TSTN; tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai TSTN và công khai bản kê khai TSTN theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về công tác kê khai, kiểm soát TSTN.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chuyên đề lồng ghép vào Báo cáo thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU của Thành ủy theo định kỳ 6 tháng, năm.

1.2. Cơ quan kiểm soát TSTN

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN (sau khi có Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

- Kiểm tra việc thực hiện Chuyên đề, tối thiểu tại 10 đơn vị. Ngoài ra, hàng năm, thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCTN, trong đó có việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác kê khai, kiểm soát TSTN.

- Giao Thanh tra Thành phố hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác kê khai, kiểm soát TSTN.

2. Tiến độ, kinh phí thực hiện chuyên đề

2.1. Tiến độ thực hiện

- Hàng năm, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện theo quy định; đánh giá kết quả triển khai thực hiện.

- Kiểm tra thực hiện chuyên đề: từ 2021-2023: tối thiểu 05 đơn vị; từ 2023-2025: tối thiểu 05 đơn vị. Ngoài ra, hàng năm kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác kiểm soát TSTN lồng ghép vào các cuộc thanh tra, kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCTN.

- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chuyên đề này lồng ghép với việc triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình số 10-CTr/TU của Thành ủy, thời gian dự kiến sơ kết: năm 2023; tổng kết: năm 2025.

2.2. Kinh phí thực hiện

Xây dựng trong dự toán nghiệp vụ chuyên môn hàng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

PHẦN 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kê khai, kiểm soát TSTN là một trong các nội dung phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng. Để nâng cao hiệu quả kê khai, kiểm soát TSTN, các cơ quan, đơn vị, trước hết là người đứng đầu cơ quan đơn vị phải phải coi công tác kê khai, kiểm soát TSTN là một trong các nhiệm vụ quan trọng, chỉ đạo điều hành chặt chẽ, nghiêm túc việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm; thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai TSTN và cán bộ được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc kê khai, công khai TSTN. Cơ

quan kiểm soát TSTN thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; thực hiện tốt việc phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác kiểm soát TSTN; kiên quyết xử lý nghiêm những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chậm kê khai, công khai hoặc không xử lý kịp thời những vi phạm liên quan đến công tác kiểm soát TSTN.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ trong đó quy định về công tác kiểm soát TSTN, là cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện, tuy nhiên do có nhiều điểm mới, một số quy định chưa cụ thể dẫn đến vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Kiến nghị đề xuất:

- Cần quy định rõ, cụ thể hơn, hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

+ Việc kiểm soát TSTN đối với một số trường hợp người có nghĩa vụ kê khai TSTN thuộc đối tượng quản lý của nhiều cơ quan (như: người có nghĩa vụ kê khai TSTN thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND Thành phố, UBND quận, huyện, đồng thời thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, Ban Thường vụ Quận ủy, Huyện ủy quản lý; trường hợp người có nghĩa vụ kê khai TSTN công tác trong các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội kiêm nhiệm HĐND các cấp của Thành phố). Đề nghị có hướng dẫn, sớm ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Quy định rõ hơn cụm từ "*Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai*" tại Khoản 1, Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 vì thực tế triển khai thực hiện chưa có sự thống nhất, vướng mắc trong việc xác định cơ quan quản lý hay đơn vị sử dụng cán bộ tổ chức thực hiện kê khai và cách xác định là một đơn vị: có trường hợp xác định theo cơ quan quản lý; có trường hợp xác định tổng số của cơ quan quản lý và các đơn vị trực thuộc, phòng, ban thuộc đơn vị.

+ Về "*Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên*" tại Khoản 3, Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

+ Về kiểm soát TSTN đối với một số trường hợp: người có nghĩa vụ kê khai TSTN là "*Cán bộ, công chức*" theo Khoản 1, Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tuy nhiên thực tế có trường hợp công tác tại tổ chức xã hội khác là công chức (VD: Hội chữ thập đỏ) nhưng chưa có quy định đối với đối tượng này.

+ Về công khai bản kê khai TSTN đối với một số trường hợp: chưa xác định rõ toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan hay toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của phòng, ban cấp huyện; chưa rõ quy định Bản kê khai được niêm yết tại trụ sở cơ quan đối với trường hợp cơ quan có nhiều trụ sở dẫn đến việc tổ chức thực hiện quy định trên còn chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị.

+ Hướng dẫn cụ thể hơn về quy trình xác minh TSTN; hệ thống mẫu văn bản, mẫu biểu phục vụ việc xác minh; cách thức lựa chọn cơ quan, đơn vị để xác minh, lựa chọn ngẫu nhiên 10% số bản kê khai để xác minh vì thực tiễn số bản kê khai của thành phố Hà Nội là rất lớn, nhân lực lại rất hạn chế.

- Bổ sung quy định cụ thể về: Thời gian lập danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai hàng năm; Thời gian các đơn vị gửi danh sách người có nghĩa vụ kê khai cho cơ quan kiểm soát TSTN; Cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm tham mưu lập danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt; tiêu chí xem xét bản kê khai khi cơ quan kiểm soát TSTN tiếp nhận bản kê khai để nhận hoặc không nhận bản kê khai trong trường hợp không đáp ứng tiêu chí đề ra; việc xử lý đối với trường hợp không đảm bảo tiêu chí tiếp nhận bản kê khai (nếu có).

- Số cơ quan, đơn vị tổ chức kê khai tài sản của thành phố Hà Nội là rất nhiều và số lượng bản kê khai do cơ quan kiểm soát TSTN phải tiếp nhận hàng năm là rất lớn, đề nghị sớm ban hành Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát TSTN để thuận tiện trong việc quản lý, khai thác dữ liệu.

Trên đây là Chuyên đề số 11 "*Công tác kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ*" triển khai thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về "*Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025*". UBND Thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời với UBND Thành phố (qua Thanh tra Thành phố) để được hướng dẫn thực hiện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, *Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 3/1/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.*
2. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.*
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/8/2006 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.*
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.*
5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh chống tham nhũng ban hành ngày 26 tháng 02 năm 1998.*
6. Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay.*
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 BCHTW (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, ST Hà Nội 2011.
9. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Phòng, chống tham nhũng ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005.*
10. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ban hành ngày 04 tháng 8 năm 2007.*
11. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2012.*
12. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2018.*
13. Chính phủ (2007), *Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9 tháng 3 năm 2007 về minh bạch TSTN.*
14. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2008 về việc ban hành danh mục người có nghĩa vụ phải kê*

14. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2008 về việc ban hành danh mục người có nghĩa vụ phải kê khai TSTN theo quy định tại khoản 11, Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch TSTN.*
15. Chính phủ (2011), *Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch TSTN.*
16. Chính phủ (2013), *Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 về minh bạch TSTN.*
17. Chính phủ (2020), *Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.*
18. Thanh tra Chính phủ (2007), *Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13 tháng 11 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ.*
19. Thanh tra Chính phủ (2010), *Thông tư số 01/2010/TT-TTCP ngày 22 tháng 01 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch TSTN.*
20. Thanh tra Chính phủ (2013), *Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch TSTN.*
21. UBND Thành phố (2008), *Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 về việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê hai thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.*
22. UBND Thành phố (2010), *Quyết định số 52/2010/QĐ-UBND ngày 25/10/2010 về kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.*
23. UBND Thành phố (2011), *Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 25/10/2011 về kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê hai thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.*
24. UBND Thành phố (2013), *Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 về kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê hai thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.*
25. Thành ủy, *Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 29 tháng 4 năm 2014 triển khai thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị.*
26. Thành ủy, *Chương trình số 07-CTr/TU ngày 26 tháng 4 năm 2016 về “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020”.*


 A circular stamp located on the right margin of the page. The text inside the stamp is arranged in a circle and reads "KH QH Đ" at the top and "PH QH Đ" at the bottom.

27. Thành ủy, *Chương trình số 10-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2021 về “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025”*.
28. Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố, *Báo cáo số 386-BC/BCS ngày 26/7/2019 sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 29/4/2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản thu nhập*.
29. UBND Thành phố, *Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 14/6/2021 về kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát TSTN của thành phố Hà Nội gửi Thanh tra Chính phủ*.
30. Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học - Trung tâm Từ điển học, NXB Đà Nẵng năm 2006.